

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đề thi có 04 trang)

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI

Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề thi 311

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết sắt có ở nơi nào sau đây?

- A. Thạch Khê. B. Phú Vang. C. Quỳnh Châu. D. Lệ Thủy.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết đỉnh núi nào sau đây cao hơn cả?

- A. Ngọc Kình. B. Ngọc Linh. C. Kon Ka Kinh. D. Vọng Phu.

Câu 43: Kiểu khí hậu nào sau đây phổ biến ở miền Tây Trung Quốc?

- A. Nhiệt đới gió mùa. B. Ôn đới lục địa. C. Ôn đới hải dương. D. Ôn đới gió mùa.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Campuchia?

- A. Bình Phước. B. Ninh Thuận. C. Lâm Đồng. D. Bình Thuận.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết đường số 7 chạy qua tỉnh nào sau đây?

- A. Nghệ An. B. Quảng Bình. C. Thanh Hóa. D. Quảng Trị.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết Khu kinh tế ven biển Năm Căn thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Cà Mau. B. Sóc Trăng. C. Bến Tre. D. Trà Vinh.

Câu 47: Phát biểu nào sau đây đúng với dân cư ở vùng đồng bằng nước ta?

- A. Mật độ dân số nhỏ hơn miền núi. B. Có rất nhiều dân tộc ít người.
C. Tỉ suất sinh cao hơn miền núi. D. Chiếm phần lớn số dân cả nước.

Câu 48: Phát biểu nào sau đây không đúng về tự nhiên của Đông Nam Á lục địa?

- A. Nhiều nơi núi lan ra sát biển. B. Có rất nhiều núi lửa và đảo.
C. Nhiều đồng bằng châu thổ. D. Địa hình bị chia cắt mạnh.

Câu 49: Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có

- A. khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt. B. tổng bức xạ trong năm lớn.
C. nền nhiệt độ cả nước cao. D. hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Buôn Ma Thuột thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Kon Tum. B. Gia Lai. C. Đắk Lắk. D. Lâm Đồng.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết nhà máy thủy điện Thác Mơ thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bình Dương. B. Bình Phước. C. Tây Ninh. D. Đồng Nai.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết nơi nào sau đây có khu dự trữ sinh quyển thế giới?

- A. Yok Đôn. B. Tràm Chim. C. Núi Chúa. D. Cần Giờ.

Câu 53: Cho bảng số liệu:

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MA-LAI-XI-A, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Năm	2010	2012	2014	2015
Xuất khẩu	221,7	249,4	249,5	210,1
Nhập khẩu	181,1	215,5	218,1	187,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về cán cân xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Từ năm 2010 đến năm 2015 đều xuất siêu. B. Giá trị xuất siêu năm 2014 lớn hơn năm 2010.
C. Giá trị xuất siêu năm 2012 nhỏ hơn năm 2015. D. Từ năm 2010 đến năm 2015 đều nhập siêu.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết phát biểu nào sau đây không đúng khi so sánh sản lượng thủy sản của một số tỉnh?

- A. Khai thác của Thanh Hóa lớn hơn Bình Định. B. Khai thác của Khánh Hòa lớn hơn Quảng Ninh.
C. Nuôi trồng của An Giang lớn hơn Ninh Thuận. D. Nuôi trồng của Nam Định lớn hơn Hà Tĩnh.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về chế độ nhiệt của Hà Nội so với Cần Thơ?

- A. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ hơn. B. Nhiệt độ trung bình tháng VII thấp hơn.
C. Nhiệt độ trung bình năm cao hơn. D. Nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn.

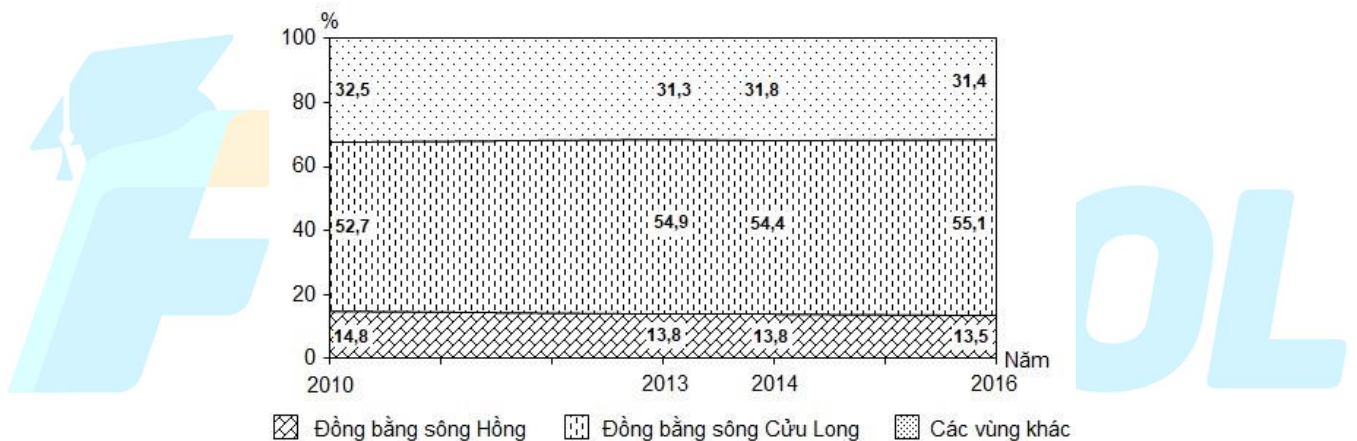
Câu 56: Cơ cấu sản phẩm công nghiệp của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu là để

- A. sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lao động. B. tận dụng tối đa nguồn vốn từ nước ngoài.
C. phù hợp hơn với yêu cầu của thị trường. D. khai thác tốt hơn thế mạnh về khoáng sản.

Câu 57: Thành tựu lớn nhất của ASEAN đạt được là

- A. hầu hết các nước trong khu vực là thành viên. B. cơ sở hạ tầng ngày càng được hiện đại hóa.
C. đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện. D. tốc độ tăng trưởng kinh tế các nước khá cao.

Câu 58: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH LÚA PHÂN THEO VÙNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2016

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích lúa phân theo vùng của nước ta, giai đoạn 2010 - 2016?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long tăng, Đồng bằng sông Hồng giảm.
B. Đồng bằng sông Hồng tăng, Đồng bằng sông Cửu Long giảm.
C. Đồng bằng sông Cửu Long giảm, các vùng khác tăng.
D. Đồng bằng sông Hồng giảm, các vùng khác tăng.

Câu 59: Loại gió nào sau đây gây mưa lớn cho Nam Bộ nước ta vào giữa và cuối mùa hạ?

- A. Gió mùa Đông Bắc. B. Gió phơn Tây Nam.
C. Tín phong bán cầu Bắc. D. Gió mùa Tây Nam.

Câu 60: Yếu tố nào sau đây không phải là lợi thế để phát triển giao thông đường biển nước ta? A.

- A. Các dòng biển hoạt động theo mùa. B. Có nhiều đảo, quần đảo ở ven bờ.
C. Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh. D. Nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế.

Câu 61: Giải pháp nào sau đây có tác động chủ yếu đến việc phát triển khai thác dầu khí ở nước ta? A.

- A. Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu dầu thô. B. Nâng cao trình độ của nguồn lao động.
C. Tăng cường liên doanh với nước ngoài. D. Phát triển mạnh công nghiệp lọc hóa dầu.

Câu 62: Giải pháp nào sau đây là chủ yếu để giải quyết tình trạng thiếu việc làm hiện nay ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Đa dạng hóa các hoạt động sản xuất. B. Tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa.
C. Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu lao động. D. Phân bố lại dân cư và nguồn lao động.

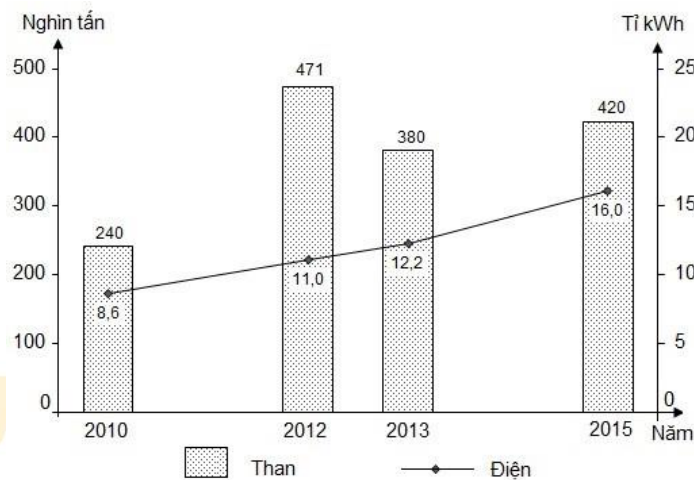
Câu 63: Các vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, miền Trung, phía Nam của nước ta đều có sự giống nhau về

- A. cơ sở vật chất kĩ thuật rất tốt và đồng bộ. B. lịch sử khai thác lãnh thổ từ lâu đời.
C. các thế mạnh phát triển được hội tụ đầy đủ. D. nền kinh tế hàng hóa phát triển rất sớm.

Câu 64: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về giao thông nước ta?

- A. Tuyến đường số 19 nối Pleiku với Tuy Hòa. B. Tuyến đường số 9 nối Đông Hà với Đà Nẵng.
C. Mạng lưới đường ô tô phủ rộng khắp cả nước. D. Đường biển dài nhất là Hải Phòng - Đà Nẵng.

Câu 65: Cho biểu đồ về than và điện của Mi-an-ma, giai đoạn 2010 - 2015:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và cơ cấu sản lượng than, điện của Mi-an-ma, giai đoạn 2010 - 2015.
B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng than, điện của Mi-an-ma, giai đoạn 2010 - 2015.
C. Sản lượng than, tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của Mi-an-ma, giai đoạn 2010 - 2015.
D. Sản lượng than và sản lượng điện của Mi-an-ma, giai đoạn 2010 - 2015.

Câu 66: Ngành công nghiệp điện tử trở thành thế mạnh của nhiều nước Đông Nam Á hiện nay chủ yếu là do

- A. tiến hành hiện đại hóa cơ sở vật chất kĩ thuật. B. mở rộng thị trường tiêu thụ trong, ngoài nước.
C. liên doanh với các hãng nổi tiếng nước ngoài. D. nâng cao trình độ kĩ thuật cho người lao động.

Câu 67: Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng của Trung Quốc phát triển dựa vào những điều kiện thuận lợi chủ yếu nào sau đây?

- A. Nguồn vốn đầu tư nhiều và cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.
B. Cơ sở vật chất kĩ thuật tốt và lao động có kinh nghiệm.
C. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và nguồn vốn đầu tư nhiều.
D. Nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Câu 68: Yếu tố nào sau đây có tác động chủ yếu đến sự phát triển giao thông vận tải biển Nhật Bản?

- A. Nhu cầu xuất và nhập khẩu hàng hóa gia tăng. B. Nhu cầu du lịch nước ngoài của dân tăng cao.
C. Đất nước quần đảo có vùng biển rộng bao bọc. D. Nhiều vũng, vịnh sâu thuận lợi xây dựng cảng.

Câu 69: Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác thủy sản ven bờ ở nước ta hiện nay là

- A. vùng biển ở một số địa phương bị ô nhiễm. B. nước biển dâng, bờ biển nhiều nơi bị sạt lở.
C. nguồn lợi sinh vật giảm sút nghiêm trọng. D. có nhiều cơn bão xuất hiện trên Biển Đông.

Câu 70: Nhân tố nào sau đây là quan trọng nhất giúp Đông Nam Bộ sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên trong phát triển kinh tế?

A. Cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ.

B. Nguồn lao động lành nghề đông.

C. Chính sách phát triển phù hợp.

D. Kinh tế hàng hóa sớm phát triển.

Câu 71: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA, NĂM 2005 VÀ NĂM 2016

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	Tổng số	Lúa đông xuân	Lúa hè thu và thu đông	Lúa mùa
2005	35832,9	17331,6	10436,2	8065,1
2016	43609,5	19404,4	15010,1	9195,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô sản lượng lúa và cơ cấu của nó phân theo mùa vụ năm 2005 và năm 2016, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Miền.

B. Kết hợp.

C. Cột.

D. Tròn.

Câu 72: Yếu tố nào sau đây là chủ yếu làm cho kim ngạch nhập khẩu của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây?

A. Việc hợp tác kinh tế, kỹ thuật với các nước được tăng cường.

B. Nhiều thành phần kinh tế tham gia hoạt động ngoại thương.

C. Quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa được đẩy mạnh.

D. Đời sống dân cư nâng cao hướng vào dùng hàng nhập ngoại.

Câu 73: Cơ cấu ngành của công nghiệp nước ta có sự chuyển dịch rõ rệt nhằm mục tiêu chủ yếu nào sau đây?

A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường.

B. Tạo thuận lợi cho việc chuyển dịch cơ cấu lao động.

C. Khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

D. Tạo điều kiện để hội nhập vào thị trường thế giới.

Câu 74: Yếu tố nào sau đây là chủ yếu làm cho hiệu quả chăn nuôi nước ta chưa ổn định? A.

Cơ sở chuồng trại ở nhiều nơi có quy mô còn nhỏ.

B. Việc sử dụng giống năng suất cao chưa phổ biến.

C. Dịch bệnh hại vật nuôi vẫn đe dọa trên diện rộng.

D. Lao động có trình độ kỹ thuật cao còn chưa nhiều.

Câu 75: Đồng bằng sông Cửu Long bị xâm nhập mặn nặng trong mùa khô là do A.

sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, ba mặt giáp biển, nhiều cửa sông.

B. có nhiều vùng trũng rộng lớn, ba mặt giáp biển, địa hình đa dạng.

C. nhiều cửa sông, ba mặt giáp biển, có nhiều vùng trũng rộng lớn.

D. địa hình thấp, ba mặt giáp biển, sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

Câu 76: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là A. cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông sản.

B. tạo ra tập quán sản xuất mới cho người lao động ở địa phương.

C. cho phép phát triển một nền nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao.

D. giải quyết việc làm cho người lao động thuộc các dân tộc ít người.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của kinh tế trang trại đối với nông nghiệp nước ta là A.

từng bước đưa nông nghiệp lên sản xuất hàng hóa.

B. góp phần vào việc đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi.

C. thúc đẩy nhanh sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.

D. sử dụng hợp lý tài nguyên vào phát triển sản xuất.

Câu 78: Ý nghĩa quan trọng nhất trong việc phát triển các tuyến giao thông theo hướng Đông - Tây ở Bắc Trung Bộ là

A. tăng cường giao thương với các nước.

B. thúc đẩy phân bố lại dân cư, lao động.

C. làm tăng nhanh khối lượng vận chuyển.

D. hình thành một mạng lưới đô thị mới.

- Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là A.
tạo ra các nghề mới và làm thay đổi bộ mặt nông thôn.
B. thu hút các nguồn đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
C. góp phần phát triển công nghiệp và phân hóa lãnh thổ.
D. tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa và giải quyết việc làm.

Câu 80: Giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất để nâng cao giá trị sản xuất của cây công nghiệp ở Tây Nguyên?

- A. Mở rộng thêm diện tích trồng trọt. B. Đa dạng hóa cơ cấu cây trồng.
C. Quy hoạch các vùng chuyên canh. D. Đẩy mạnh chế biến sản phẩm.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay. - Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

